

Bản án số: 59/2022/HC-PT

Ngày: 18-01-2022

V/v: Khiếu kiện yêu cầu huỷ quyết định
xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực
xây dựng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 527/2019/TLPT-HC ngày 13 tháng 9 năm 2019; về việc “Khiếu kiện yêu cầu huỷ quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2019/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2841/2021/QĐPT-HC ngày 15 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Đặng Thanh D, sinh năm 1968; Địa chỉ thường trú: 30/6 L, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: 3/152B, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đặng Trọng D, là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; Địa chỉ: Phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Phi H; Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Quản lý đô thị thành phố T, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Đặng Thanh D là người khởi kiện.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Đặng Thanh D là bà Nguyễn Thị Ninh H trình bày:*

Ông Đặng Thanh D được UBND huyện (nay là thị xã) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền trên đất số BA254423, số vào sổ cấp GCN CH00116/BN ngày 04/02/2010 đối với phần đất có diện tích 169 m² (đất ở nông thôn: 150m², đất trồng cây lâu năm: 19m²) thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số B1 (DC4) tọa lạc tại khu phố Bình Thuận, phường Bình Nhâm, thị xã Thuận An.

Ngày 24/5/2011, ông D được UBND thị xã T cấp Giấy phép xây dựng số 687/GP.XD. Ông D đã xây dựng nhà ở có diện tích 42m² trên thửa đất này.

Do vợ chồng ông D là việc ở Thành phố Hồ Chí Minh, ông D thường xuyên đi công tác xa nhà nên muốn xây dựng tường bao để bảo đảm an ninh, tính mạng, đề phòng kẻ lạ xâm nhập vào nhà. Khi ông D làm “Đơn xin xây dựng tường bờ bao, mái che” gửi Ủy ban nhân dân thị xã T thì cán bộ nhận đơn không nhận đơn, hướng dẫn ông D tiến hành xây dựng, không ảnh hưởng gì và không phải xin giấy phép. Tháng 12/2018, ông D xây dựng 02 bức tường bao bằng gạch bao quanh căn nhà trên nền diện tích đất thổ cư của ông D.

Ngày 26/12/2018, ông Đặng Thanh D được mời đến UBND phường Bình Nhâm để nhận Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2018 của Chủ tịch UBND thị xã T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

Quyết định nêu trên đã căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 21/BN/BB-VPHC của Phòng quản lý đô thị lập ngày 17/12/2018. Biên bản này ông D không ký tên, đồng thời Phòng Quản lý đô thị cũng không giao cho ông D.

Ông D không đồng ý với quyết định này, vì: Thực chất ông D không xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị. Ông D chỉ xây dựng hai bức tường bờ bao và tám lợp trên phần diện tích đất thổ cư thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014, việc ông D xây dựng hai tường bao thấp hơn chiều cao căn nhà ghi trong Giấy phép xây dựng là 5,1m và tám lợp thuộc phần đất thổ cư của ông D, không ai khiếu nại, tranh chấp. Do vậy, không thể gọi là tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị. Sau khi xây dựng nhà ở diện tích 42m², ông D chưa xây dựng bờ bao và tám lợp để bảo vệ căn nhà nên việc xây dựng thêm bờ bao là vấn đề chính quyền địa phương nên tạo điều kiện cho ông D.

Tại điểm g, h khoản 2, Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 quy định:

“g) Công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình không làm thay đổi kết cấu chịu lực, không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng tới môi trường, an toàn công trình;

h) Công trình sửa chữa, cải tạo làm thay đổi kiến trúc mặt ngoài không tiếp giáp với đường trong đô thị có yêu cầu về quản lý kiến trúc;”

Vậy, việc lợp mái che bằng tôn phía trên, xung quanh tường bờ bao, nếu việc thay đổi này không tiếp giáp với đường trong đô thị có yêu cầu về quản lý kiến trúc thì không phải xin phép xây dựng.

Vì vậy, ông Đặng Thanh D yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên hủy Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2018 của Chủ tịch UBND thị xã T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T trình bày:*

Ngày 12/12/2018, được sự trình báo của người dân và Trưởng khu phố Bình Thuận, UBND phường Bình Nhâm phối hợp với Phòng Quản lý đô thị kiểm tra việc xây dựng nhà ở riêng lẻ và hàng rào lấn chiếm ruộng thoát nước chung của khu vực đối với ông Đặng Thanh D. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc ông Đặng Thanh D có mặt nhưng không hợp tác, không cung cấp các loại giấy tờ có liên quan đến đất đai và xây dựng. UBND phường Bình Nhâm đã lập biên bản yêu cầu ông Đặng Thanh D dừng thi công nhưng ông Đặng Thanh D không chấp hành, không ký vào biên bản.

Tiếp tục ngày 13/12/2018, UBND phường Bình Nhâm phối hợp với Phòng Quản lý đô thị kiểm tra việc xây dựng nhà nêu trên, qua kiểm tra nhận thấy ông Đặng Thanh D không chấp hành dừng thi công theo biên bản đã lập ngày 12/12/2018 của UBND phường Bình Nhâm mà cố tình tiếp tục thi công. UBND phường Bình Nhâm đã lập biên bản ghi nhận lại sự việc ông Đặng Thanh D chống đối, không hợp tác khi Đoàn kiểm tra đến làm việc với sự chứng kiến của người dân, Trưởng khu phố và Công an khu vực.

Ngày 17/12/2018, Phòng Quản lý đô thị phối hợp UBND phường Bình Nhâm kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực trật tự xây dựng đối với ông Đặng Thanh D nhưng ông D có mặt mà không ký vào biên bản với sự chứng kiến của người dân và Trưởng khu phố Bình Thuận.

Đến ngày 19/12/2018, UBND phường Bình Nhâm có Báo cáo số 190/BC-UBND xin ý kiến UBND thị xã, xử lý nghiêm đối với việc xây dựng trái phép của ông Đặng Thanh D.

Ngày 21/12/2018, Chủ tịch UBND thị xã T ban hành Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với ông Đặng Thanh D.

Ngày 27/12/2018, ông Đặng Thanh D gửi đơn khởi kiện hành chính về Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2018 của Chủ tịch UBND thị xã T đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Nội dung khởi kiện:

- Căn cứ Luật Xây dựng, việc ông D xây hai tường bờ bao thấp hơn căn nhà ghi trong GPXD là 5,1m và tấm lợp thuộc phần đất thổ cư của ông D, không có ai khiếu nại tranh chấp. Do vậy, không thể gọi là “tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị”;

- Theo Luật Xây dựng 2014 quy định tại khoản 2, Điều 89 đối với nhà ở riêng lẻ tại nông thôn thì được miễn xin giấy phép xây dựng dù xây mới hay sửa chữa, cải tạo.

Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 29/12/2013 của Chính phủ: thành lập phường Bình Nhâm thuộc thị xã Thuận An. Do đó, kể từ ngày 29/12/2013 các công trình xây dựng trên địa bàn phường Bình Nhâm được xác định là công trình xây dựng tại đô thị.

Căn cứ theo khoản 1, Điều 89, Luật Xây dựng năm 2014 thì trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Đối với trường hợp của ông Đặng Thanh D xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị không thuộc công trình được miễn phép xây dựng theo quy định tại khoản 2, Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014.

Ngày 21/12/2018, Chủ tịch UBND thị xã T ban hành Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với ông Đặng Thanh D. Nội dung Quyết định:

- Phạt tiền 25.000.000 đồng do đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính là “tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị được quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ”;

- Yêu cầu ông Đặng Thanh D dừng thi công xây dựng công trình: theo quy định tại điểm a, khoản 12, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

- Buộc tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng không phép, với diện tích 121,2m² theo quy định tại điểm d, khoản 11, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

Tuy nhiên ông Đặng Thanh D không chấp hành theo các nội dung Quyết định trên mà tiếp tục thi công xây dựng công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Xây dựng năm 2014 và Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ, Chủ tịch UBND thị xã T nhận thấy việc ban hành Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2018 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng đối với ông Đặng Thanh D là đúng theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2019/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 55, 98, 115, 116, 134, khoản 1 Điều 158, Điều 164, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh D, hủy Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2018 của Chủ tịch UBND thị xã T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, UBND thị xã (nay là thành phố) T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 86/QĐKNPT-HC, kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không thay đổi, bổ sung, không rút đơn khởi kiện. Người bị kiện không thay đổi, bổ sung, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo ban đầu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không thay đổi, bổ sung và giữ nguyên các căn cứ cũng như đề nghị của Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 86/QĐKNPT-HC, ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

Trong phần tranh luận, các đương sự và Luật sư trình bày như sau:

Ông Nguyễn Phi H:

- Về thủ tục: Do ông D không hợp tác, không ký vào biên bản nên UBND phường không giao biên bản vi phạm hành chính số 21B/BB-VPHC.

- Về việc xác định loại công trình xây dựng: Ông D xây dựng công trình có kết cấu móng và cột bê tông cốt thép, vách gạch, nền bê tông, mái tôn là công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 15 của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017, nhưng không có phép.

- Về mật độ xây dựng: Mật độ xây dựng của ông D là 95%, theo quy định tại Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 09/01/2015 của UBND tỉnh Bình Dương thì mật độ xây dựng tối đa khu vực này là 30%.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Theo các biên bản vi phạm hành chính thì có đủ căn cứ để xác định công trình mà ông D đã xây dựng là nhà ở riêng lẻ ở đô thị nhưng không có giấy phép.

- Tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính có quy định về quyền giải trình, nhưng ông D đã không thực hiện quyền giải trình của mình.

- Mật độ xây dựng của ông D vượt mật độ cho phép đến 65%.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D: Do hàng xóm thường xuyên ném chất bẩn vào nhà nên ông D có xây dựng bức tường hình chữ L là hàng rào xung quanh thửa đất của mình. Hàng rào được xây bằng gạch 4 lỗ, không tô, kết nối với căn nhà 42m² đã xây dựng trước đó (có phép), trên có lợp tôn. Đây không phải là nhà ở riêng lẻ nên không cần phải có giấy phép. Tại phiên tòa lần trước, Tòa án có yêu cầu Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương kết hợp với UBND thành phố T xác định loại công trình mà ông D đã xây dựng, nhưng UBND là người bị kiện có văn bản số 474 xác định đây là nhà ở tại đô thị là không khách quan. Mặt khác, khi lập biên bản vi phạm hành chính, UBND phường không giao cho ông D một bản theo quy định và quyết định xử phạt vi phạm hành chính ban hành không đúng mẫu quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

2. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị: Đơn kháng cáo của UBND thành phố T và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

3. Về nội dung kháng cáo: Kiểm sát viên bảo lưu toàn bộ các căn cứ và yêu cầu mà quyết định kháng nghị đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị: Đơn kháng cáo của UBND thành phố T và quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương làm trong hạn luật định, nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[2.1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 27/12/2018, ông Đặng Thanh D khởi kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 8475/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2018 của UBND thị xã (nay

là thành phố) T (sau đây gọi tắt là Quyết định số 8475), về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng. Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và xét xử vụ án là đúng đối tượng, đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2] Về thẩm quyền ban hành quyết định: Ông Đỗ Thanh Sử, chức vụ Phó Chủ tịch UBND thị xã T ký ban hành Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC là đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 54 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Quyết định giao quyền số 6772/QĐ-UBND ngày 19/10/2018 của Chủ tịch UBND thị xã T.

[2.3] Về thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính:

Căn cứ để ban hành Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC là Biên bản vi phạm hành chính số 21BN/BB-VPHC ngày 17/12/2018 của Phòng Quản lý đô thị thị xã Thuận An.

Tại khoản 3, Điều 58 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “...*Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản...*”;

Tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “...*cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trước khi ra quyết định xử phạt...*”.

Diễn biến sự việc thể hiện, sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, Phòng Quản lý đô thị không thực hiện việc giao nhận hoặc niêm yết biên bản cho người vi phạm là không đúng quy định.

[2.4] Về việc xác định loại công trình:

Công trình mà ông D xây dựng (là đối tượng vi phạm đang xem xét trong vụ án này) được thực hiện trên phần đất có diện tích 169 m² (đất ở nông thôn 150m², đất trồng cây lâu năm 19m²) thuộc thửa đất số 312, tờ bản đồ số B1 (DC4) tọa lạc tại khu phố Bình Thuận, phường Bình Nhâm, thị xã Thuận An đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận hợp pháp. Trước đó, ông D đã xây dựng nhà ở hợp pháp với diện tích 42m² trên thửa đất này.

Tại khoản 2, Điều 3 Luật Nhà ở năm 2014 quy định “*Nhà ở riêng lẻ là nhà ở được xây dựng trên thửa đất ở riêng biệt thuộc quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, bao gồm nhà biệt thự, nhà ở liền kề và nhà ở độc lập.*”.

Tại khoản 1, Điều 2 Nghị định 139/2017/NĐ-CP quy định “...*Công trình khác quy định tại Nghị định này là công trình có quy mô không thuộc các trường hợp: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng công trình và nhà ở riêng lẻ...*”.

Tại Biên bản xem xét thẩm định ngày 10/4/2019 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện, công trình mà ông D đã xây dựng gồm: 02 bức tường bao (hình L) bằng gạch chưa tô (chiều ngang dài 11,30m, chiều dọc 10m), móng bê tông cốt thép, được lợp mái tôn được chống đỡ bằng 06 ống tuýp phi 90 có diện tích khoảng 113m². So sánh điều luật vừa viện dẫn và hiện trạng xây dựng thì công trình xây dựng của ông D không được coi là công trình nhà ở riêng lẻ, mà là công trình khác. Vì vậy, Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2018 của Chủ tịch UBND thị xã T áp dụng điểm b, khoản 5, Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP đối với việc tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép đối với xây dựng nhà ở riêng lẻ là không đúng quy định pháp luật.

Ngày 02/11/2020, Tòa án cấp phúc thẩm ban hành Văn bản số 1664/2020/CV-TA yêu cầu:

- UBND thành phố T chủ động phối hợp với Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương tiến hành khảo sát, kiểm định và kết luận rõ công trình xây dựng của ông Đặng Thanh D, theo các biên bản vi phạm hành chính ngày 12, 13 và 17/12/2018 của UBND phường Bình Nhâm, có phải là công trình xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị hay không;

- Viện dẫn các căn cứ pháp lý để xác định loại công trình.

Ngày 23/12/2020, UBND thành phố T ban hành Văn bản số 4174/UBND-NC có nội dung xác định công trình xây dựng của ông D là nhà ở riêng lẻ tại đô thị là không đúng chức năng và không khách quan, vì UBND thành phố T đang là người bị kiện trong vụ án này.

[2.4] Về việc áp dụng pháp luật:

Tại Điều 1 phần Biện pháp khắc phục hậu quả của Quyết định 8475/QĐ-XPVPHC có nội dung: *“Buộc ông Đặng Thanh D tháo dỡ công trình xây dựng không phép: quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ...”*. Tuy nhiên, điểm d, khoản 11, Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP có nội dung: *“Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5 (mà hành vi vi phạm đã kết thúc), khoản 6 và khoản 7 Điều này.”*. Ngày 17/12/2018, Phòng Quản lý đô thị phối hợp UBND phường Bình Nhâm kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính thì ông D đã dừng thi công xây dựng công trình, công trình chưa hoàn thành, chưa đưa vào sử dụng nên việc Chủ tịch UBND thị xã T áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ công trình xây dựng quy định tại điểm d, khoản 11, Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP là không đúng quy định.

Tại khoản 12, Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP quy định:

“12. Đối với hành vi quy định tại khoản 2, khoản 4 và khoản 5 Điều này mà đang thi công xây dựng thì xử lý như sau:

a) Lập biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm dừng thi công xây dựng công trình;

b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh hoặc cấp giấy phép xây dựng;

c) Hết thời hạn quy định tại điểm b khoản này, tổ chức, cá nhân vi phạm không xuất trình với người có thẩm quyền xử phạt giấy phép xây dựng hoặc giấy phép xây dựng được điều chỉnh thì bị áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm”.

Tại Điều 5 Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP quy định:

“a) Cá nhân, tổ chức vi phạm phải dừng thi công xây dựng kể từ thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trong thời hạn quy định, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính có trách nhiệm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp không có thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, người lập biên bản phải chuyển biên bản vi phạm hành chính và hồ sơ vụ việc (nếu có) đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép xây dựng hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng và xuất trình người có thẩm quyền xử phạt giấy phép xây dựng được cấp hoặc được điều chỉnh;

d) Hết thời hạn quy định tại điểm c khoản này mà cá nhân, tổ chức vi phạm không xuất trình giấy phép xây dựng được cấp hoặc được điều chỉnh thì người có thẩm quyền xử phạt ra thông báo thực hiện biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này. Thông báo được gửi cá nhân, tổ chức vi phạm, UBND cấp xã nơi có công trình vi phạm bằng hình thức gửi bảo đảm và niêm yết công khai tại công trình vi phạm. Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm không nhận thông báo hoặc gỡ bỏ thông báo được niêm yết tại công trình vi phạm thì UBND cấp xã nơi có công trình vi phạm có trách nhiệm niêm yết công khai thông báo tại trụ sở UBND cấp xã. Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày gửi thông báo (tính theo dấu bưu điện), cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm thực hiện biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm;”.

Khi lập biên bản vi phạm hành chính, ông D đã dừng việc thi công xây dựng công trình. Như vậy, trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền phải hướng dẫn ông D thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép xây dựng trong thời hạn 60 ngày theo quy định tại điểm b, khoản 12, Điều 15 Nghị định 139 và điểm c, Điều 5 Thông tư 03.

[2.5] Về hình thức quyết định:

Tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư 03/2018/TT-BXD ngày 24/4/2018 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP quy định: “...Người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;”. Tuy nhiên, Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC không lập theo mẫu quy định tại Thông tư 03. Cụ thể: tại phần khắc phục hậu quả tại Điều 1 quyết định phải ghi nội dung:

“c) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính⁽¹³⁾... phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh/cấp giấy phép xây dựng. Hết thời hạn này⁽¹³⁾...không xuất trình người có thẩm quyền xử phạt giấy phép xây dựng/giấy phép xây dựng điều chỉnh thì bị áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm theo quy định.

- Sau khi được cấp/điều chỉnh giấy phép xây dựng tổ chức cá nhân vi phạm phải tháo dỡ công trình, phần công trình không phù hợp với giấy phép được cấp/điều chỉnh thì mới được thi công xây dựng.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân/tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả.”.

Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC chỉ thể hiện nội dung buộc tháo dỡ công trình vi phạm là không đúng quy định theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy bản án sơ thẩm xác định Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC ban hành không đúng quy định pháp luật cả về nội dung và hình thức quyết định nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, hủy Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm, người bị kiện không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới, do đó kháng cáo của UBND thành phố T là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các lập luận trên đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên UBND thành phố T phải chịu án phí theo luật định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 86/QĐKNPT-VKS-HC ngày

07/8/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2019/HC-ST ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào các Điều 30, 32, 55, 98, 115, 116, 134, khoản 1 Điều 158, Điều 164, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh D. Hủy Quyết định số 8475/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2018 của Chủ tịch UBND thị xã T về việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng.

[2] Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 27075 ngày 26/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương. UBND thành phố T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu (3), 16b (Án HQ).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa